

Số: 280 /QĐ-CDCT

Phú Yên, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-BCN, ngày 13/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung);

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 05/9/2017 về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa (nay là Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung.

Điều 2. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức thuộc Trường và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QLCL&NCKH.



Trần Kim Quyên

QUY ĐỊNH

**Hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ
của Trường Cao đẳng Công Thương Miền trung**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 280 /QĐ-CDCT ngày 08 / 6 /2020)

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về cách tổ chức hoạt động liên quan đến hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Hoạt động KH&CN là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KH&CN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KH&CN.

2. Dịch vụ KH&CN là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội.

3. Quỹ KH&CN: là quỹ thuộc Trường, nguồn kinh phí có được từ nguồn thu do bán sản phẩm, dịch vụ KH&CN, nguồn khác do Hiệu trưởng quyết định. Mục đích của quỹ dùng để tái đầu tư cho chính hoạt động KH&CN giúp Nhà trường chủ động khi triển khai các dự án KH&CN, giúp phát triển hoạt động KH&CN của Trường.

Điều 3. Mục đích hoạt động KH&CN

Thúc đẩy hợp tác đầu tư vào lĩnh vực KH&CN, chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, bắt nhịp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; hợp tác với các viện, trường, cơ quan nghiên cứu chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời tạo sân chơi hữu ích để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp giới thiệu công nghệ tạo các dòng sản phẩm cho thị trường, từ đó tạo cơ hội kết nối kinh doanh, hợp tác phát triển hướng đến kết nối cung - cầu sản phẩm KH&CN.

Phát huy năng lực nghiên cứu khoa học trong cán bộ viên chức và các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, triển khai thực hiện các đề án, dự án, đề tài, sáng kiến các cấp; sản xuất thử nghiệm hướng đến thị trường và chuyển giao công nghệ. Giúp tăng nguồn thu cho Nhà trường thu từ các sản phẩm, dịch vụ KH&CN.

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Khoa học & Đào tạo: định hướng cho hoạt động KH&CN trong toàn Trường.

2. Phòng QLCL&NCKH:

- Kết hợp với các cá nhân, tập thể, trong Trường nghiên cứu và sản xuất sản phẩm công nghệ mới thị trường có nhu cầu.
- Kết hợp với các khoa, các cá nhân, tổ chức trong và ngoài Trường xây dựng kế hoạch, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ KH&CN, cung cấp ra thị trường thông qua phòng trưng bày.
- Kết hợp các nhân, đơn vị để tìm kiếm cung-cầu thị trường KH&CN.
- Kết hợp với Trung tâm Khoa học & Công nghệ MITC để bán sản phẩm, dịch vụ KH&CN ra thị trường khi khách hàng có nhu cầu.

3. Trung tâm Khoa học & Công nghệ MITC: hỗ trợ trong việc thương mại hóa sản phẩm.

4. Cá nhân, tập thể trong Trường

- Đề xuất ý tưởng, nghiên cứu, sản xuất ra sản phẩm, dịch vụ KH&CN phù hợp nhu cầu thị trường.

- Làm đầu mối giới thiệu sản phẩm ra với thị trường.

4. Cá nhân, tổ chức ngoài Trường

- Liên hệ với Phòng QLCL&NCKH để trưng bày sản phẩm KH&CN, Phòng QLCL&NCKH sẽ là điểm kết nối đưa sản phẩm ra thị trường.

- Làm môi giới giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của Trường ra bên ngoài.

CHƯƠNG 3. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 5. Quyền lợi

Cá nhân, tập thể tham gia vào hoạt động KH&CN của Trường được hưởng các quyền lợi tương ứng với mức độ đã đóng góp. Cụ thể các quyền lợi quy định như sau:

1. Đối với cá nhân trong Trường sản xuất ra sản phẩm có sử dụng nguyên liệu:

Bảng 1. Phân chia quyền lợi đối với sản phẩm có sử dụng nguyên liệu của Trường

STT	Các bên liên quan	Tỷ lệ phân chia
1	Nhà trường	50% x doanh thu
2	Tiền công cá nhân tham gia	20% x doanh thu
3	Bộ phận quản lý	5% x doanh thu
4	Môi giới	5% x doanh thu
5	Bảo trì	10% x doanh thu
6	Thuế	10% x doanh thu

Nếu khoản 4,5,6 không phát sinh thì doanh thu đó thuộc về Nhà trường.

2. Đối với cá nhân trong Trường sản xuất ra sản phẩm không sử dụng nguyên liệu:

Bảng 2. Phân chia quyền lợi đối với sản phẩm không sử dụng nguyên liệu của Trường

STT	Các bên liên quan	Tỷ lệ phân chia
1	Nhà trường	30% x doanh thu

2	Tiền công cá nhân tham gia	60% x doanh thu
3	Bộ phận quản lý	10% x doanh thu

3. Đối với sản phẩm là nông sản của Trường:

Bảng 3. Phân chia quyền lợi đối với nông sản Trường tự sản xuất

STT	Các bên liên quan	Tỷ lệ phân chia
1	Nhà trường	70% x doanh thu
2	Tiền công cá nhân tham gia	20% x doanh thu
3	Bộ phận quản lý	10% x doanh thu

4. Sản phẩm bên ngoài được bán qua Phòng trưng bày:

Bảng 4. Phân chia quyền lợi đối với sản phẩm bên ngoài

STT	Các bên liên quan	Tỷ lệ phân chia
1	Cá nhân có sản phẩm gửi bán	90% x doanh thu
2	Bộ phận quản lý	10% x doanh thu

5. Toàn bộ doanh thu của Nhà trường được đưa vào quỹ KH&CN.

6. Sử dụng thu nhập cho cá nhân trong Trường được hưởng: cá nhân có thể lựa chọn 2 cách: (1) nhận bằng tiền mặt khi giao dịch thành công; (2) quy đổi sang giờ giảng dạy (tương ứng với mức tiền Trường trả vượt giờ).

7. Các trường hợp phát sinh khác do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 6. Trách nhiệm

1. Cá nhân tự chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ do mình cung cấp.
2. Các cá nhân tự chịu trách nhiệm trong việc bảo hành sản phẩm của mình. Hoặc tự thỏa thuận với khách hàng.

3. Đối với cá nhân, tổ chức có sản phẩm trưng bày:

- Được đặt sản phẩm, baner, tờ rơi quảng cáo tại Phòng trưng bày.
- Trả tiền chi phí trưng bày theo thỏa thuận (chi phí này nộp về Trường sau khi trích 10% cho Phòng trưng bày).

CHƯƠNG 4. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Điều khoản thi hành

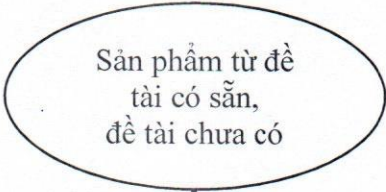
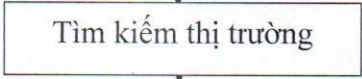
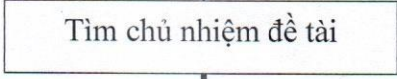
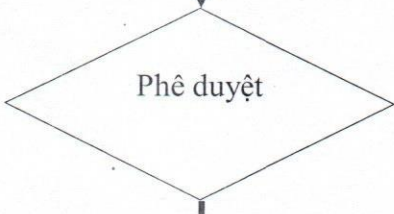
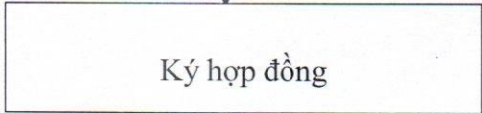
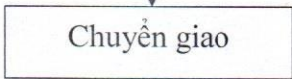
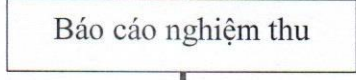
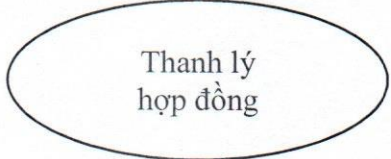
1. Các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.
2. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, Quy định có thể được xem xét và sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Hiệu trưởng quyết định. *[Chữ ký]*



Trần Kim Quyên

QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Người thực hiện	Trình tự	Mô tả chi tiết
Chủ nhiệm đề tài		Sản phẩm có sẵn từ các đề tài/sáng kiến có sẵn hoặc chưa có tại trường
Nhà trường Chủ nhiệm đề tài Phòng QLCL&NCKH		Thỏa thuận với khách hàng
Phòng QLCL&NCKH		Phòng QLCL&NCKH dựa vào đề tài đã có, năng lực nhà giáo để lựa chọn
Hiệu trưởng		Ban Giám hiệu thống nhất quyết định
Hiệu trưởng Chủ nhiệm đề tài		Hiệu trưởng ký hợp đồng với chủ nhiệm đề tài, giao nhiệm vụ cho Chủ nhiệm đề tài
Chủ nhiệm đề tài Khách hàng		Giao sản phẩm theo đúng thỏa thuận ban đầu
Chủ nhiệm đề tài		- Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ nộp Phòng QLCL&NCKH
Chủ nhiệm đề tài Hiệu trưởng Phòng QLCL&NCKH		- Phòng QLCL&NCKH soạn thảo thanh lý hợp đồng, Hiệu trưởng và chủ nhiệm đề tài tiến hành thanh lý hợp đồng đã ký